

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
Khu dân cư Nam An Eco Town tại xã Hàm Thắng,
huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dân cư Nam An Eco Town tại xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tại cuộc họp vào ngày 30 tháng 01 năm 2020 tại Phòng họp Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu dân cư Nam An Eco Town tại xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo nội dung giải trình tại Công văn số 02/CV ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Ngọc Thiên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 59/TTr-STNMT ngày 13 tháng 02 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dân cư Nam An Eco Town (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Đầu tư Ngọc Thiên (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCTUBND tỉnh (đ/c Hải, đ/c Phong);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Hàm Thuận Bắc;
- UBND xã Hàm Thắng;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Ngọc Thiên;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lương Văn Hải

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 376 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận).

1. Thông tin về dự án:

- Tên dự án: Khu dân cư Nam An Eco Town.
- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư Ngọc Thiên.
- Địa chỉ liên hệ: số 39/7B Từ Văn Tư, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- Người đại diện: Ông Lê Văn Mẫn. Chức danh: Giám đốc.
- Địa chỉ liên lạc: Số 39/7B Từ Văn Tư, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- Điện thoại: 0962.112.836.
- Phạm vi, quy mô: Khu dân cư Nam An Eco Town tại xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận có diện tích 61.846,7 m², gồm 02 khu đất:
 - + Vị trí 1: diện tích 49.746,7 m².
 - + Vị trí 2: diện tích 12.100 m².
- Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng khu dân cư tạo quỹ đất ở phục vụ phát triển kinh tế địa phương.
- Công trình chính: Xây dựng hạ tầng khu dân cư.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

Các tác động môi trường chính của dự án bao gồm tác động từ nước thải sinh hoạt, chất thải rắn, khí thải (phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu dân cư, phương tiện lưu thông, vận hành hệ thống xử lý nước thải, diêm tập kết chất thải rắn,...).

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Lưu lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng là 3,6 m³/ngày; nước thải sinh hoạt chứa nhiều thành phần hữu cơ và vi sinh vật gây bệnh.
- Lưu lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn vận hành là 142,8 m³/ngày; nước thải sinh hoạt chứa nhiều thành phần hữu cơ và vi sinh vật gây bệnh.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động nấu nướng, từ hoạt động các phương tiện giao thông ra vào khu dân cư, mùi hôi phát sinh tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung, các điểm, khu vực tập kết rác thải sinh hoạt,... chứa nhiều thành phần ô nhiễm như: mùi, SO₂, NO_x, CO,...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Dự án không phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành khoảng 12 kg/năm; thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, pin ắc quy, chì thải, giẻ lau chứa các thành phần nguy hại,...

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành khoảng 714 kg/ngày, các thành phần chất thải hữu cơ, chất thải vô cơ phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom, xử lý nước thải:

- Trong giai đoạn xây dựng: Trang bị 05 nhà vệ sinh di động để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom xử lý khi chứa đầy.

- Trong giai đoạn vận hành: Chủ dự án xây dựng 02 hệ thống xử lý nước thải tập trung tại 02 khu đất: Hệ thống xử lý nước thải tập trung (vị trí 1) với công suất thiết kế 120 m³/ngày đêm, hệ thống xử lý nước thải tập trung (vị trí 2) với công suất thiết kế 35 m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý của 02 hệ thống đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 0,9) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, sau đó xả vào mương thủy lợi.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

Dự án không có công trình xử lý bụi, khí thải, chủ yếu thực hiện biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng, vận hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Dự án không phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường nên không thực hiện biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý.

3.4. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Dự án không có công trình xử lý chất thải nguy hại. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, với các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác:

Chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn xây dựng, vận hành được thu gom, quản lý và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Quá trình hoạt động, Chủ dự án có trách nhiệm tiến hành thu gom, phân loại, lưu trữ, xử lý toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo các yêu cầu về môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

Chủ dự án có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, rung. Trồng cỏ, cây xanh trong phạm vi tích đất trồng cây xanh của dự án.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Đối với hệ thống xử lý nước thải: Xây dựng 02 hồ chứa nước thải để phòng ngừa hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, gồm: 01 hồ thể tích 140 m³ (vị trí 1), 01 hồ thể tích 50 m³ (vị trí 2).

- Thực hiện các biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố tai nạn giao thông, sự cố vỡ đường ống cấp nước sinh hoạt, đường ống thoát và sự cố sụt lún công trình theo quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

Có 02 hệ thống xử lý nước thải tập trung tại 02 khu đất: Hệ thống xử lý nước thải tập trung (vị trí 1) với công suất thiết kế 120 m³/ngày đêm, hệ thống xử lý nước thải tập trung (vị trí 2) với công suất thiết kế 35 m³/ngày đêm.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

5.1 Giai đoạn xây dựng:

a) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thường xuyên theo dõi, giám sát tổng lượng thải chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại (khi có chất thải phát sinh) trong phạm vi dự án. Các số liệu trên phải thường xuyên được cập nhật hoá, đánh giá và ghi nhận kết quả. Nếu có phát sinh ô nhiễm, dự án có các biện pháp xử lý thích hợp.

b) Giám sát không khí xung quanh.

- Vị trí giám sát:

+ 01 vị trí trong khu vực xây dựng dự án.

+ 01 vị trí tại khu dân cư hiện hữu (cuối hướng gió).

- Thông số giám sát: Bụi, CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn, vi khí hậu, độ rung.

- Tần suất giám sát: Thực hiện 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

c) Giám sát khác: Giám sát sự tuân thủ các yêu cầu bảo vệ môi trường đối với các phương tiện vận tải ra vào khu vực dự án. Giám sát các hiện tượng bất thường ở khu vực xung quanh.

5.2. Vận hành thử nghiệm

a) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại.

Thường xuyên theo dõi, giám sát tổng lượng thải chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại (khi có chất thải phát sinh) tại vị trí lưu giữ tạm thời. Các số liệu trên phải thường xuyên được cập nhật hoá, đánh giá và ghi nhận kết quả. Nếu có phát sinh ô nhiễm, dự án có các biện pháp xử lý thích hợp. Tần suất giám sát: Giám sát liên tục khi có chất thải phát sinh.

b) Giám sát nước thải.

- Giám sát nước thải của 02 vị trí nước thải đầu ra tại 02 hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, TDS, Nitrat, Amoni, dầu mỡ động thực vật, Phosphat, Coliform, tổng các chất hoạt động bề mặt, Sunfua (H₂S); lưu lượng.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: Cột B, K= 0,9 QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

5.3. Vận hành thương mại

a) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

Thường xuyên theo dõi, giám sát tổng lượng thải chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại (khi có chất thải phát sinh) tại vị trí lưu giữ tạm thời. Các số liệu trên phải thường xuyên được cập nhật hoá, đánh giá và ghi nhận kết quả. Nếu có phát sinh ô nhiễm, dự án có các biện pháp xử lý thích hợp. Tần suất giám sát: Giám sát liên tục khi có chất thải phát sinh.

b) Giám sát nước thải

- Giám sát nước thải của 02 vị trí nước thải đầu ra tại 02 hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, TDS, Nitrat, Amoni, dầu mỡ động thực vật, Phosphat, Coliform, tổng các chất hoạt động bề mặt, Sunfua (H₂S); lưu lượng.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: Cột B, K= 0,9 QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.